GIẢI PHÁP ĐẦU TƯ CÔNG CHO ĐÀO TẠO NGHỀ Ở CÁC HUYỆN NGHÈO: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

Phạm Bảo Dương*

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đóng vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là trong bối cảnh hiện nay, khi nhu cầu lao động có tay nghề, có kỹ năng ngày càng tăng lên. Đảng và Nhà nước đã tập trung nhiều nỗ lực cho công tác đào tạo nghề cho lao động nghèo nông thôn, qua đó, thu được nhiều kết quả đáng khích lệ, song cũng không tránh khỏi một số vướng mắc, hạn chế cần khắc phục (Phạm Vũ Quốc Bình, 2011). Yêu cầu của công tác đào tạo nghề cho người nghèo trong giai đoạn tới cần có những chính sách đủ mạnh nhằm hỗ trợ tăng cường năng lực cho lao động nông thôn, qua đó, giúp họ có đủ khả năng làm chủ và đạt hiệu quả hơn trong sản xuất kinh doanh hoặc được trang bị nghề nghiệp mới để chuyển sang lĩnh vực sản xuất phi nông nghiệp tại chỗ, chuyển sang ngành công nghiệp, dịch vụ hoặc tham gia lực lượng lao động xuất khẩu. Việc đổi mới một cách toàn diện và hiệu quả công tác dạy nghề cho lao động nông thôn là hết sức cấp thiết trong đó cần đặc biệt quan tâm đến việc: (1) nâng cấp cơ sở đào tạo nghề, (2) hình thức tổ chức dạy nghề, cũng như (3) hệ thống chính sách khuyến khích lao động nông thôn tham gia học nghề (Phạm Bảo Dương, 2009).

Sơn Động là huyện nghèo của tỉnh Bắc Giang và là một trong 62 huyện nghèo nhất của cả nước. Lao động nông thôn Sơn Động vẫn còn hạn chế về trình độ chuyên môn, tay nghề, kỹ năng... chưa sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của công tác xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp nông thôn. Mặc dù đã có rất nhiều những nỗ lực nhưng công tác dạy nghề cho lao động nông thôn vẫn chưa đạt được kết quả như mong đợi. Hệ quả là vẫn còn một phần lớn lực lượng người nghèo chưa được qua đào tạo nghề (chiếm tới hơn 80%) và kể cả số đã được đào tạo nghề cũng chưa đạt được chất lượng cao mà chủ yếu mới qua một vài khóa tập huấn của chương trình khuyến nông, khuyến lâm; số lao động qua đào tạo nghề được cấp chứng chỉ còn thấp. Vấn đề đặt ra là: hiện nay, tỷ lệ lao động nông thôn đã qua dạy nghề còn chiếm tỷ trọng rất thấp (17%) trong đó chỉ có khoảng 3% tổng số đã được cấp bằng, chứng chỉ dạy nghề. Vì vậy, việc nghiên cứu đề xuất chính sách dạy nghề cho lao động nghèo nông thôn ở Sơn Động là rất cấp thiết góp phần xóa đói, giảm nghèo nhanh và bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Mục tiêu tổng quát của bài viết này là nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở huyện nghèo trên cơ sở nghiên cứu trường hợp ở huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Cụ thể, bài viết hướng tới 2 mục tiêu: (1) Phân tích thực trạng để từ đó xác định

* Phạm Bảo Dương, Tiến sĩ, Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

những bất cập chủ yếu trong công tác dạy nghề cho người nghèo ở huyện nghèo Sơn Động Bắc Giang hiện nay để trên cơ sở đó; (2) Đề xuất các giải pháp chính sách công phù hợp và khả thi, với cơ chế có tính thực tiễn, xóa bỏ các rào cản cũng như khoảng cách giữa nhu cầu học nghề của người lao động với khả năng cung cấp dịch vụ đào tạo.

1. Tình hình lao động và đầu tư công ở Sơn Động

1.1. Cơ cấu lực lượng lao động nông thôn theo trình độ chuyên môn

Cơ cấu trình độ lao động nông thôn của Huyện còn có nhiều khoảng cách rõ rệt, lực lượng lao động chưa qua đào tạo còn cao chiếm trung bình 82,3% tổng số lao động nông thôn. Trong khi đó, lao động có trình độ đại học và cao đẳng còn ít (cao đẳng 3,34% và đại học trở lên chỉ chiếm khoảng 2,3%); lao động có trình độ trung cấp nghề và có chứng chỉ đào tạo nghề cũng thấp, chiếm 5,8% trong tổng số lực lượng lao động toàn Huyện. Lao động nông thôn chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ lớn tập trung chủ yếu lao động thô sơ, ảnh hưởng không nhỏ tới công cuộc phát triển kinh tế xã hội của huyện.

1.2 Thực trạng đầu tư công cho đào tạo nghề và giải quyết việc làm

a) Thực hiện đầu tư công cho các các cơ sở dạy nghề và giáo viên dạy nghề

Cả huyện Sơn Động chỉ có Trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX) được giao thêm nhiệm vụ dạy nghề từ năm 2006. Công tác quản lý dạy nghề chưa được chuyên sâu, giáo viên dạy nghề thiếu, cơ sở vật chất (CSVC) thiếu, thiết bị chưa đồng bộ, chưa có khu dạy nghề riêng (nhà xưởng, phòng chức năng). Thực tế là Trung tâm GDTX từ nhiệm vụ chủ yếu là bổ túc văn hóa và trung học phổ thông (THPT), chưa quen với chức năng dạy nghề nên hạn chế rất nhiều trong khâu quản lý, điều hành xây dựng và triển khai kế hoạch dạy nghề.

Diện tích đất hiện có của Trung tâm GDTX là 4000m^2 chưa đủ cho yêu cầu bổ túc văn hóa; diện tích đất cho cơ sở dạy nghề chưa có. Trường chưa có phòng học riêng để học sinh học tập cả về lý thuyết và thực hành do vậy không đảm bảo chất lượng đào tạo. Các thiết bị dạy nghề cho từng nghề có

Bảng 1: Trình độ chuyên môn của lực lượng lao động, 2006-2008

TT	Trình độ chuyên môn	2006		2007		2008	
		Số lượng (Người)	%	Số lượng (Người)	%	Số lượng (Người)	%
1	Tổng số	32.917	100,00	32.990	100,00	32.635	100,00
2	Chưa qua đào tạo	27.132	82,43	27.616	83,71	26.865	82,32
3	Có chứng chỉ nghề	1.200	3,65	800	2,42	910	2,79
4	Sơ cấp và tương đương	1.200	3,65	1.100	3,33	1.120	3,43
5	Trung cấp nghề và tương đương (CNKT dài hạn)	1.810	5,50	1.820	5,52	1.900	5,82
6	Cao đẳng nghề và tương đương	1.034	3,14	1.022	3,10	1.090	3,34
7	Đại học trở lên	541	1,64	632	1,92	750	2,30

Nguồn: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội Sơn Động, 2010.

ít, thiếu đồng bộ do vậy việc giảng dạy và thực hành một số nghề liên quan đến máy móc thiết bị còn chưa thực hiện được như nghề điện tử, điện lạnh... Các phòng học lý thuyết phải bố trí lồng ghép với chương trình bổ túc văn hóa, do vậy, không đảm bảo về thời gian giảng dạy theo quy định.

Số lượng giáo viên làm công tác đào tạo nghề ít. Huyện chỉ có một giáo viên năm 2006, có 3 giáo viên năm 2007 và tăng lên 5 giáo viên năm 2008. Trong số 5 giáo viên này có 4 người có trình độ đại học, 1 người trình độ cao đẳng. Giáo viên hạn chế về kinh nghiệm giảng dạy, chủ yếu làm công tác tư vấn nghề và tổ chức quản lý dạy nghề liên kết, công tác tham mưu cho cấp trên hạn chế, không có điều kiện trao đổi nghiệp vụ nâng cao chất lượng đào tạo nghề, thực hành tay nghề.

Với lực lượng lao động hiện có tại địa phương (trung bình 32.000 lao động/năm); trên cơ sở xem xét đánh giá nhu cầu đào tạo nghề của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đến năm 2020 thì việc thành lập một trung tâm dạy nghề riêng biệt không gắn chung nhiệm vụ với trung tâm giáo dục thường xuyên là rất cần thiết vì trung tâm dạy nghề sẽ giúp cho công tác đào tạo nghề nông thôn ngay tại địa phương, đào tạo các nghề phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp. Bên cạnh đó, việc trung tâm nghề được thành lập sẽ là địa điểm để liên kết với các trường cao đẳng, trung cấp nghề trong và ngoài tỉnh đào tạo nguồn nhân lực của huyện tại chỗ, phục vụ cho nhu cầu phát triển của huyện và các huyện khác trong cả nước.

b) Đầu tư công cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Dạy nghề thường xuyên chủ yếu cho hai đối tượng: lao động nông thôn và học sinh phổ thông. Các nghề dạy cho học sinh gồm: bảo vệ thực vật, làm vườn, điện dân dụng. Các nghề cho lao động nông thôn gồm: các lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật, phổ biến kiến thức khuyến nông, khuyến lâm.

Dạy nghề trung cấp tập trung vào các nghề địa phương đang cần như: điện, chăn nuôi thú y, trồng trọt, may công nghiệp, tin học, cơ khí gò hàn, sửa chữa xe máy. Đào tạo trung cấp chủ yếu dành cho cán bộ xã, dưới hình thức liên kết đào tạo trong huyện và các trường của Tỉnh. Hình thức dạy nghề sơ cấp chủ yếu là liên kết và lưu động nên chất lượng không cao do dạy nghề lưu động điều kiện cơ sở vật chất rất khó khăn, phòng học tạm bợ, thiết bị thực hành hạn chế; giáo viên chủ yếu là lực lượng giáo viên hợp đồng đang công tác tại Trạm khuyến nông khuyến lâm của Huyện, trình độ nghiệp vụ sư phạm còn hạn chế. Các lớp dạy nghề dưới 3 tháng, chuyển giao khoa học kỹ thuật chủ yếu nặng về lý thuyết, thực tế sản xuất và thực hành rất hạn chế, chưa có mô hình chuẩn để thăm quan học tập, cơ sở thực tập.

Chương trình dạy nghề chủ yếu triển khai công tác dạy nghề ngắn hạn (sơ cấp) do Sở Lao động Thương binh Xã hội Tỉnh cung cấp, thời gian học 03 tháng với 128 tiết dạy. Giáo trình đang sử dụng của trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội và trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên. Trên cơ sở giáo trình của các trường, đơn vị có biên soạn cho phù hợp với đặc thù của địa phương. Nhìn chung, các chương trình và giáo trình là khá đầy đủ và toàn diện, kết hợp lý thuyết với thực hành. Tuy nhiên, chương trình còn dài, nhiều nội dung chưa phù hợp với thực tế học viên miền núi, cơ cấu tiết lý thuyết và thực hành còn phải điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng.

2. Kết quả và hiệu quả đầu tư công cho đào tạo nghề

a) Kết quả đầu tư công cho đào tạo nghề:

Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo nghề rất thấp, chiếm 2 đến 3% tổng số lao động (LĐ) nông thôn. Phần lớn trong số họ tham gia đào tạo thường xuyên, đào tạo sơ cấp chiếm tỉ lệ không đáng kể (Bảng 2).

Theo ngành nghề đào tạo, nghề may công nghiệp là nghề đào tạo thu hút nhiều lao động nông thôn nhất trong khi số lao động được đào tạo nghề trong các lĩnh vực khác hết sức khiêm tốn (Bảng 3).

Kết quả và hiệu quả đầu tư công cho đào tạo nghề chưa cao. Thảo luận nhóm với cán bộ huyện cho thấy, chất lượng đào tạo nghề chưa đạt yêu cầu. Chẳng hạn, các lao động đã được đào tạo nghề may rất khó xin việc vì tay nghề chưa đảm bảo, nếu các lao động này được tuyển dụng, các công ty may phải đào tạo lại nghề cho số lao động này. Nguyên nhân là do công tác đào tạo mang tính tự phát; chương trình đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu xã hội; cơ sở vật chất của cơ sở dạy nghề chưa đảm bảo; trình độ giáo viên hạn chế; chưa có cơ chế kiểm định,

Bảng 2: Kết quả dạy nghề lao động nông thôn của Huyện năm 2006-2008

Trình độ đào tạo	2006			2007			2008		
	Lực lượng LĐ	Số LĐ được đào tạo	%	Lực lượng LĐ	Số LĐ được đào tạo	%	Lực lượng LĐ	Số LĐ được đào tạo	%
Tổng số	32.917	898	2,73	32.990	776	2,35	32.635	792	2,43
Đào tạo thường xuyên (dưới 3 tháng)		600	1,82		540	1,64		500	1,53
Đào tạo sơ cấp (3 tháng đến dưới 1 năm)		298	0,91		236	0,72		292	0,89

Nguồn: Dự thảo Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 huyện Sơn Động, 2009.

Bảng 3: Ước thực hiện công tác dạy nghề cho người nghèo năm 2010

STT	Nghề đào tạo	Số học viên	Số lớp	Thời gian đào tạo *(Tháng/lớp)*	Kinh phí *(Triệu đồng)*
1	Nghề chăn nuôi thú y	58	2	3	100
2	Nghề sửa chữa, bảo trì máy tính	58	2	3	100
3	Nghề sửa chữa xe máy	58	2	6	100
4	Nghề may công nghiệp	1.050	35	3	238
5	Nghề gò hàn	29	1	3	50
	Tổng cộng	1.253	42	33	2.731

Nguồn: Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 huyện Sơn Động, 2009

đánh giá sau đào tạo. Vì vậy, tác động của kết quả đầu tư công cho đào tạo nghề chưa đạt được như mong muốn.

b) Đánh giá tình hình thực hiện chính sách đầu tư công cho đào tạo nghề ở huyện

Trên cơ sở phân tích thực trạng ở trên, kết hợp với kết quả phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm với cán bộ và nhân dân các xã ở Sơn Động có thể rút ra một số tồn tại chủ yếu của công tác đào tạo nghề cho người nghèo ở Sơn Động như sau:

• Đối với người đi học nghề: Tỷ lệ lao động đặc biệt lao động nghèo đã qua đào tạo nghề rất thấp. Mặc dù nhu cầu học nghề cao, tuy nhiên người nghèo lại gặp rào cản đầu tiên là nhận thức chưa đầy đủ về vấn đề học nghề. Nhiều lao động còn tự ti, mặc cảm không yên tâm để chuyên tâm học nghề với tâm lý e ngại học xong chưa chắc đã kiếm được việc làm. Hỗ trợ học nghề chưa thỏa đáng.

• Đối với mạng lưới cơ sở đào tạo nghề: Cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu của người học. Đội ngũ giáo viên thiếu và năng lực hạn chế. Vấn đề xã hội hóa công tác đào tạo nghề còn hạn chế, chưa lôi kéo được nhiều doanh nghiệp sử dụng lao động tham gia. Chất lượng, nội dung đào tạo nghề còn nhiều bất cập.

• Công tác đào tạo còn mang tính tự phát, chủ yếu do yêu cầu của người học, chưa có định hướng chiến lược lâu dài gắn với phát triển kinh tế địa phương. Nhiều ngành nghề địa phương có thế mạnh (chế biến, xuất khẩu, may mặc...) chưa được đầu tư, hiệu quả sử dụng sau đào tạo chưa được kiểm định đánh giá, cơ sở vật chất cho dạy nghề còn thiếu thốn, bất cập, hình thức đào tạo nghề ngắn hạn chủ yếu liên kết, giáo viên hợp đồng dạy nghề đa số thiếu nghiệp vụ sư phạm, chất lượng còn hạn chế.

• Kết nối dạy và học nghề còn yếu. Thông tin, tuyên truyền về đào tạo nghề, loại hình đào tạo, ngành nghề đào tạo chưa thực sự sâu rộng. Người lao động thiếu thông tin về cơ hội việc làm trong và ngoài nước. Việc khảo sát, đánh giá nhu cầu, lập quy hoạch đào tạo nghề vẫn chưa được thực hiện. Chưa có giám sát - đánh giá công tác đào tạo nghề, quản lý chất lượng, đánh giá tác động đào tạo nghề.

3. Giải pháp đầu tư công cho lĩnh vực đào tạo nghề

a) Định hướng đào tạo nghề

Chiến lược đào tạo nghề cần hướng tới mục tiêu sau: 1) Giúp cho lao động nông nghiệp nâng cao được hiệu quả, năng suất và chất lượng sản phẩm, hạn chế rủi ro trong sản xuất; 2) Giúp cho một bộ phận lao động nông thôn có thể chuyển sang làm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (TTCN), nhất là công nghiệp chế biến nông lâm sản, công nghiệp điện, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp khai khoáng là những thế mạnh của địa phương; 3) Tạo điều kiện cho một số lao động đi nơi khác làm việc nhất là đi xuất khẩu lao động.

b) Đầu tư cơ sở dạy nghề trên địa bàn Huyện

Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2008 về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 (nay là 62) huyện nghèo đã chỉ rõ: cần đầu tư xây dựng mỗi huyện một cơ sở dạy nghề. Sơn Động cần có một trung tâm dạy nghề đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ đào tạo nghề. Cần đầu tư nhân lực, mặt bằng và cơ sở vật chất kỹ thuật cho cơ sở dạy nghề ở huyện để trung tâm có đủ năng lực tổ chức đào tạo nghề tại chỗ (không phải về thành phố Bắc Giang tập

huấn), tăng được số lượng lao động được đào tạo và gần gũi hơn với thực tế sản xuất. Thực hiện chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, phí, lệ phí cho cơ sở đào tạo nghề. Có sự liên kết chặt chẽ giữa trung tâm dạy nghề của huyện với cơ quan sử dụng lao động. Thu hút các cá nhân, trang trại, doanh nghiệp tham gia và thực hiện công tác dạy nghề cho lao động trên địa bàn huyện.

c) Đổi mới phương thức đào tạo - đào tạo theo địa chỉ sử dụng

Kinh nghiệm kết hợp đào tạo nghề theo nhu cầu của cơ quan sử dụng như Công ty than 45 đã thu hút được nhiều lao động. Cần nhân rộng mô hình đào tạo nghề của Công ty than 45 sang các ngành nghề và lĩnh vực khác để tạo sự gắn kết giữa hoạt động dạy nghề với nhu cầu của các đơn vị sử dụng, đảm bảo tính hiệu quả của công tác dạy nghề dạy được nghề và sử dụng được nghề đã học. Thực hiện sự liên kết với người sử dụng (các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác) để xác định nhu cầu và lĩnh vực đào tạo, tận dụng địa bàn thực hành, có địa chỉ sử dụng lao động sau khi tốt nghiệp. Cần thực hiện đào tạo nghề theo địa chỉ sử dụng. Hướng đổi mới chương trình đào tạo nghề là: 1) Cần đánh giá nhu cầu đào tạo nghề cho các lĩnh vực trước khi xác đinh nội dung, lĩnh vực đào tạo; 2) Thiết kế nội dung đào tạo phù hợp trên cơ sở tính đến các yêu cầu của người sử dụng; 3) Phối kết hợp với người sử dụng để cung cấp nguồn lực (mô hình, mẫu vật, thực tế) để gắn với lý thuyết với thực hành, tăng thực tập; 4) Đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng tăng thực tiễn và kỹ năng nghề và 5) Cần phối kết hợp với cơ quan sử dụng các lao động đã được đào tạo để tiếp nhận phản hồi về chất lượng đào tạo, đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo.

d) Hỗ trợ đối với người lao động tham gia học nghề.

Hỗ trợ trước khi tham gia đào tạo gồm: 1) Hỗ trợ các thông tin, bao gồm các thông tin liên quan quan đến các chính sách, chế độ khi tham gia học nghề của các đối tượng lao động nông thôn, giúp họ thêm vững tâm khi quyết định bỏ chi phí cơ hội để học nghề; 2) Tư vấn về lựa chọn nghề đào tạo, đảm bảo người lao động được hướng nghiệp một cách chính xác và phù hợp; 3) Tư vấn lựa chọn trình độ đào tạo, hình thức đào tạo và cơ sở đào tạo: Do lao động nông thôn có sự phân hóa lớn về độ tuổi, nhận thức, tập quán... nên cần căn cứ vào khả năng tham gia của họ ở từng trình độ đào tạo, hình thức đào tạo để tư vấn cho họ trong quá trình lựa chọn nghề để học. Để thực hiện được việc này, cần giúp họ hiểu đúng về nghề nghiệp cũng như các yêu cầu về trình độ văn hóa, thời gian, tài chính... đối với mỗi loại trình độ nghề hay hình thức đào tạo.

Hỗ trợ trong khi học nghề gồm: 1) Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề tại chỗ cho lao động nông thôn làm việc trên địa bàn huyện. Bao gồm hỗ trợ cho người học trong thời gian học nghề để nhằm chi trả các chi phí cho việc học tập, sinh hoạt trong thời gian theo học tại cơ sở dạy nghề (bao gồm: học phí, chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập, chi phí ăn, ở, đi lại). 2) Hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, văn hoá, đào tạo định hướng (ăn ở, đi lại, trang bị ban đầu, chi phí làm thủ tục) để đi lao động xuất khẩu; 3) Hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi để đi lao động xuất khẩu. Ba hạng mục hỗ trợ này đã được cụ thể hóa trong các thông tư Hướng dẫn của Bộ Lao Động, Thương Binh và Xã hội khi triển khai Nghị quyết 30a của Chính phủ. Vì vậy, cần tuyên truyền cho người dân biết về chính sách hỗ trợ này.

Kết luận

Hiện nay, nông nghiệp, nông thôn nước ta vẫn đang thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực có kỹ thuật, kĩ năng và trình độ cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và đất nước mặc dù hàng năm Nhà nước vẫn đang dành một khoản ngân sách không nhỏ cho công tác đào tạo nghề. Lao động nông thôn luôn được đánh giá là một nguồn nhân lực dồi dào và tiềm năng đối với công cuộc phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam trong những năm qua và trong thời gian tới. Tuy nhiên, trên thực tế trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động nông thôn còn nhiều bất cập, thị trường lao động nông thôn mang tính tự phát và còn quá nhiều khiếm khuyết. Việc học nghề chưa thực sự gắn với thị trường sử dụng lao động, học xong rất khó tìm việc làm. Hệ thống cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn còn nhiều bất cập: số lượng cơ sở đào tạo còn thiếu, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn lạc hậu; nội dung đào tạo chưa thực sự đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của thực tiễn và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất một số chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn là hết sức cấp thiết đặc biệt trong bối cảnh hiện nay. Kết quả nghiên cứu đã chỉ rõ thực trạng cơ sở dạy nghề ở Sơn Động hiện nay cũng như kết quả và hiệu quả đầu tư công cho đào tạo nghề cho người nghèo, chỉ rõ những tồn tại bất cập của công tác đào tạo nghề. Các nhóm giải pháp đối với người đi học nghề, với cơ sở đào tạo cũng đã được đề xuất để thực sự đào tạo nghề trở thành chìa khóa cho sự thành công của công tác xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững ở địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phạm Vũ Quốc Bình (2011), 'Đào tạo nghề cho lao động nông thôn phục vụ thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới'. Tạp chí Cộng sản Điện tử, Số 1 (217).
- Phạm Bảo Dương (2009), 'Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn', Đề tài cấp cơ sở, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- UBND huyện Sơn Động (2009), Dự thảo Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

Tạp chí quản lý kinh tế xin thông báo: Từ năm 2010, Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước đã đưa **Tạp chí quản lý kinh tế** vào danh sách các tạp chí khoa học được tính điểm, điểm công trình được tính từ 0 đến 0,5 điểm.